BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 43/2013/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2013*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong các tổ chức được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định của Luật Chứng khoán

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong các tổ chức được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định của Luật Chứng khoán.

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong các tổ chức được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định của Luật Chứng khoán, bao gồm:

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu quy định tại Khoản 1, 2 và Khoản 3 Điều này sau đây gọi tắt là tổ chức chứng khoán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

2. Thành viên Ban kiểm soát tổ chức chứng khoán.

3. Thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; thành viên không chuyên trách Hội đồng quản trị.

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Thông tư này.

Mục 2
QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 3. Xếp lương, tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát xếp lương theo thang lương, bảng lương do tổ chức chứng khoán xây dựng theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật lao động và Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, tiền thưởng từ quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng của người lao động quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Căn cứ quy chế trả lương, quy chế thưởng, Hội đồng quản trị tổ chức chứng khoán quyết định tạm ứng tiền lương, xác định tiền lương thực hiện, tiền thưởng và trả lương, tiền thưởng cho các thành viên Ban kiểm soát theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 4. Quản lý lao động, xác định quỹ tiền lương, tạm ứng tiền lương phân phối tiền lương, tiền thưởng

1. Các tổ chức chứng khoán thực hiện quản lý lao động, xác định quỹ tiền lương kế hoạch, đơn giá tiền lương, tạm ứng tiền lương, quỹ tiền lương thực hiện, phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động theo quy định tại các

Điều 3, 4 Mục 2; Điều 5, 6, 7, 9 Mục 3; các Khoản 1, 2 Điều 8 Mục 3 và Mục 4 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Mức tiền lương bình quân thực hiện gắn với năng suất lao động bình quân và lợi nhuận thực hiện được xác định theo quy định tại Khoản 2, Điều 8, Mục 3 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong đó năng suất lao động bình quân được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{W_{th} = \frac{\Sigma T_{th}}{L_{ttsd}}} \quad (1)$$

Trong đó:

W_{th}: Năng suất lao động thực hiện bình quân.

ΣT_{th}: Tổng doanh thu thực hiện năm.

L_{ttsd}: Số lao động thực tế sử dụng bình quân năm, được tính theo hướng dẫn tại Khoản 1, Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 5. Loại trừ các yếu tố khách quan khi xác định quỹ tiền lương của người lao động

1. Khi xác định quỹ tiền lương và mức tiền lương bình quân thực hiện của người lao động, tổ chức chứng khoán loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động và lợi nhuận, bao gồm:

a) Nhà nước thay đổi chính sách về phí của tổ chức chứng khoán, yêu cầu tăng khấu hao để thu hồi vốn nhanh, có quyết định can thiệp để bình ổn thị trường hoặc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Tổ chức chứng khoán thực hiện đầu tư mới (bao gồm cả đầu tư phần mềm, đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư cơ sở hạ tầng), khấu hao tăng đột biến do đầu tư mới;

c) Các yếu tố khách quan của thị trường chứng khoán làm tăng hoặc giảm doanh thu nghiệp vụ thực hiện trong năm so với thực hiện của năm trước liền kề ảnh hưởng đến năng suất lao động, lợi nhuận của tổ chức chứng khoán, bao gồm:

- Đối với Sở Giao dịch Chứng khoán: số lượng công ty niêm yết, đăng ký giao dịch và khả năng đáp ứng điều kiện niêm yết ảnh hưởng đến doanh thu phí niêm yết chứng khoán; khối lượng chứng khoán giao dịch và giá giao dịch ảnh hưởng

đến doanh thu phí giao dịch; số lượng thành viên giao dịch ảnh hưởng đến doanh thu phí thành viên; giá trị trái phiếu trúng thầu, kế hoạch và quy mô huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu ảnh hưởng đến doanh thu hoạt động đấu thầu; giá trị chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán ảnh hưởng đến doanh thu phí chuyển quyền sở hữu chứng khoán; khối lượng và giá trị cổ phần đấu giá ảnh hưởng đến doanh thu hoạt động đấu giá;

- Đối với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán: khối lượng chứng khoán lưu ký thực hiện trong năm ảnh hưởng đến doanh thu phí lưu ký; giá trị đăng ký chứng khoán (lần đầu) thực hiện trong năm và số lần đăng ký chứng khoán bổ sung ảnh hưởng đến doanh thu phí đăng ký chứng khoán; giá trị thanh toán gốc, lãi trái phiếu, tín phiếu Chính phủ ảnh hưởng đến doanh thu phí đại lý thanh toán lãi, gốc trái phiếu, tín phiếu; số lần thực hiện quyền và số lượng cổ đông tương ứng với mỗi lần thực hiện quyền ảnh hưởng đến doanh thu phí thực hiện quyền; số lần và giá trị chuyển khoản chứng khoán ảnh hưởng đến doanh thu phí chuyển khoản; giá trị chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán ảnh hưởng đến doanh thu phí chuyển quyền sở hữu chứng khoán; số lượng thành viên lưu ký ảnh hưởng đến doanh thu phí quản lý thành viên; số lần sửa lỗi giao dịch trong năm ảnh hưởng đến doanh thu phí sửa lỗi giao dịch.

2. Việc loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động và lợi nhuận làm căn cứ để xác định mức tiền lương bình quân được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

a) Năng suất lao động, lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan phải được lượng hóa và tính toán bằng số liệu cụ thể;

b) Các yếu tố khách quan quy định tại điểm a và điểm b, Khoản 1 Điều này làm tăng thêm năng suất lao động, lợi nhuận thì phải giảm trừ phần năng suất lao động, lợi nhuận tăng thêm. Trường hợp làm giảm năng suất lao động, lợi nhuận thì được cộng thêm phần năng suất lao động, lợi nhuận giảm vào chỉ tiêu năng suất lao động, lợi nhuận thực hiện;

c) Các yếu tố khách quan quy định tại điểm c, Khoản 1 Điều này làm giảm năng suất lao động, lợi nhuận thì được cộng thêm phần năng suất lao động, lợi nhuận giảm vào chỉ tiêu năng suất lao động, lợi nhuận thực hiện. Trường hợp làm tăng doanh thu nghiệp vụ từ 15% trở lên so với thực hiện của năm trước liền kề thì phần doanh thu nghiệp vụ tăng từ 15% trở lên không được tính khi xác định quỹ tiền lương và mức tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

3. Doanh thu nghiệp vụ của tổ chức chứng khoán được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Mục 3
QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 6. Xếp lương đối với thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Việc xếp lương đối với thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng tổ chức chứng khoán được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Khi xếp lương theo Khoản 1 Điều này, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách của tổ chức chứng khoán được chuyển xếp lương theo chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên chuyên trách hoặc Chủ tịch công ty chuyên trách; chức danh thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị được chuyển xếp lương theo chức danh thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên.

Điều 7. Xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và trả lương, thù lao, tiền thưởng

1. Việc xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, tạm ứng tiền lương, thù lao; xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng; trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng tổ chức chứng khoán được thực hiện theo quy định tại các Điều 7, 8, 10, 11, 12; các Khoản 1, 3, 5 Điều 9; các điểm b, c, d, đ Khoản 2 Điều 9 Mục 3 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Khi xác định mức tiền lương bình quân thực hiện của thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, trường hợp tổ chức chứng khoán bảo đảm đủ các điều kiện: bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; nộp ngân sách theo quy định; lợi nhuận thực hiện trong năm cao hơn lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề và năng suất lao động bình quân không giảm so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định như sau:

$$\mathbf{TL_{bqth} = TL_{cb} + H_{ln} \times TL_{cb}} \quad (2)$$

Trong đó:

- TL_{bqth}: Mức tiền lương bình quân thực hiện.

- TL_{cb}: Mức lương cơ bản tính theo điểm b, Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- H_{ln}: Hệ số tiền lương tăng thêm so với mức lương cơ bản gắn với mức tăng lợi nhuận như sau:

+ Lợi nhuận thực hiện trong năm so với thực hiện của năm trước liền kề tăng dưới 1,0% thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,3.

+ Lợi nhuận thực hiện trong năm so với thực hiện của năm trước liền kề tăng từ 1% đến dưới 1,5% thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,4.

+ Lợi nhuận thực hiện trong năm so với thực hiện của năm trước liền kề tăng từ 1,5% trở lên thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,5.

Trường hợp tổ chức chứng khoán bảo đảm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; nộp ngân sách theo quy định; lợi nhuận thực hiện trong năm cao hơn thực hiện của năm trước liền kề, nhưng năng suất lao động bình quân (sau khi loại trừ yếu tố khách quan theo quy định) thấp hơn so với thực hiện của năm trước liền kề thì sau khi xác định mức tiền lương bình quân thực hiện theo công thức (2) công ty phải giảm trừ tiền lương theo nguyên tắc: cứ giảm 1% năng suất lao động bình quân thực hiện trong năm so với thực hiện của năm trước liền kề thì giảm trừ 1% mức tiền lương bình quân thực hiện của viên chức quản lý.

3. Năng suất lao động bình quân làm căn cứ xác định tiền lương bình quân thực hiện của thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng tổ chức chứng khoán quy định tại Khoản 2, Điều 9, Mục 3 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư này.

Điều 8. Loại trừ yếu tố khách quan khi xác định quỹ tiền lương, thù lao

Tổ chức chứng khoán loại trừ các yếu tố khách quan do Nhà nước quyết định tăng hoặc giảm vốn nhà nước và ảnh hưởng của các yếu tố khách quan quy định tại Điều 5 Thông tư này đến vốn nhà nước đầu tư tại tổ chức chứng khoán, năng suất lao động, lợi nhuận khi xác định mức tiền lương bình quân thực hiện, quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Mục 4
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Tổng giám đốc tổ chức chứng khoán có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 12 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Hội đồng quản trị tổ chức chứng khoán có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ như quy định đối với Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty tại Điều 13 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Điều 13 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Khi gửi các báo cáo tiền lương, tiền thưởng cho chủ sở hữu thì đồng thời gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi chung;

b) Xác định tiền lương kế hoạch, tạm ứng tiền lương đối với thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm xác định quỹ tiền lương, tạm ứng tiền lương của người lao động;

c) Xác định, báo cáo chủ sở hữu phương án tiền lương thực hiện, tiền thưởng kèm theo báo cáo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm báo cáo tiền lương, tiền thưởng của người lao động;

d) Quyết định tiền lương thực hiện, tiền thưởng và trả lương, tiền thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát gắn với việc thực hiện nhiệm vụ được giao sau khi báo cáo chủ sở hữu.

3. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát, thẩm định, kiến nghị các nội dung về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức chứng khoán do Bộ Tài chính quy định.

4. Chủ sở hữu tổ chức chứng khoán (Bộ Tài chính) có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 15 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Điều 15 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Tiếp nhận, xem xét phương án tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban kiểm soát của tổ chức chứng khoán. Trường hợp phát hiện việc xác định tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban kiểm soát không đúng quy định thì chỉ đạo Hội đồng quản trị tổ chức chứng khoán sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2014. Các chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.

2. Các tổ chức chứng khoán áp dụng chế độ thưởng an toàn, mức tiền chi bữa ăn giữa ca cho người lao động và viên chức quản lý theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6, Điều 17 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Khoản 4, Khoản 5, Điều 18 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Minh Huân